

Mã đề: 208

Thời gian làm bài: 45 phút không kể thời gian giao đề

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm): Chọn câu trả lời đúng.

Câu 1. Khổ giấy A4 có kích thước tính theo mm là:

- A. 420×210 B. 279×297 C. 420×297 D. 297×210

Câu 2. Tên các khổ giấy chính là:

- A. A0, A1, A2, A3, A4 C. A0, A1, A2, A3
B. A3, A1, A2, A4 D. A0, A1, A2,

Câu 3. Đầu là tỉ lệ phóng to trong các tỉ lệ sau?

- A. 1 : 2 B. 100 : 1 C. 1 : 100 D. 1 : 20

Câu 4. Đầu là kích thước bán kính đường tròn?

- A. 60 B. R60 C. Ø60 D. O60

Câu 5. Nét liền đậm dùng để mô tả:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. C. Đường bao khuất, cạnh khuất.
B. Đường kích thước, đường dóng. D. Đường tâm, đường trục.

Câu 6. Để vẽ phần đường bao khuất, cạnh khuất, ta cần chọn nét vẽ là:

- A. Nét liền đậm. C. Nét đứt mảnh.
B. Nét liền mảnh. D. Nét gạch dài – chấm – mảnh.

Câu 7. Hướng chiếu từ trái qua phải cho ta hình chiếu nào?

- A. Hình chiếu đứng. C. Hình chiếu bằng.
B. Hình chiếu cạnh. D. Cả 3 hình chiếu.

Câu 8. Vị trí của hình chiếu bằng là:

- A. Trước hình chiếu đứng. C. Bên trái hình chiếu đứng.
B. Bên phải hình chiếu đứng. D. Bên dưới hình chiếu đứng.

Câu 9. Hình trụ được tạo ra bằng cách nào?

- A. Quay một hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định ta được hình trụ.
B. Quay một hình tam giác vuông một vòng quanh một cạnh cố định ta được hình trụ.
C. Quay một hình vuông một vòng quanh một cạnh cố định ta được hình trụ.
D. Quay một nửa hình tròn một vòng quanh đường kính cố định ta được hình trụ.

Câu 10. Hình được bao bởi hai đáy là đa giác đều, các mặt bên là các hình chữ nhật bằng nhau. Đó là hình gì?

- A. Hình nón. C. Hình hộp chữ nhật.
B. Hình chóp. D. Hình lăng trụ.

Câu 11. Một vật thể hình chóp. Muốn biết chiều cao của vật thể ta quan sát trên hình chiếu nào?

- A. Hình chiếu đứng hoặc hình chiếu cạnh. C. Hình chiếu đứng hoặc hình chiếu bằng.
B. Hình chiếu cạnh hoặc hình chiếu bằng. D. Cả 3 hình chiếu.

Câu 12. Chiếu bát dưới đây có hình dạng thuộc hình nào?

- A. Hình trụ. C. Hình đôi cầu.
B. Hình chòm cầu. D. Hình cầu.



Câu 13. Hình biểu diễn trên bản vẽ lắp gồm:

- A. Số thứ tự, tên gọi chi tiết, số lượng, vật liệu.
B. Tên sản phẩm, tỉ lệ, kí hiệu bản vẽ, nơi thiết kế.
C. Các hình chiếu và hình cắt.
D. Các kích thước của sản phẩm.

Câu 14. Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

- A. Khung tên → bảng kê → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.
B. Khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
C. Bảng kê → khung tên → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp.
D. Bảng kê → khung tên → kích thước → hình biểu diễn → phân tích chi tiết → tổng hợp.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với “Bản vẽ lắp”?

- A. Diễn tả hình dạng kết cấu của một chi tiết, được sử dụng để chế tạo và kiểm tra.
- B. Là bản vẽ dùng làm tài liệu cho quá trình thiết kế, lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.
- C. Là một bản vẽ kỹ thuật thể hiện thông tin của một sản phẩm gồm nhiều chi tiết tạo thành.
- D. Bản vẽ thường được vẽ theo tỉ lệ.

Câu 16. Bảng kê trên bản vẽ lắp gồm:

- A. Các hình chiếu và hình cắt.
- B. Các kích thước của sản phẩm.
- C. Tên sản phẩm, tỉ lệ, kí hiệu bản vẽ, nơi thiết kế.
- D. Số thứ tự, tên gọi chi tiết, số lượng, vật liệu.

Câu 17. Bản vẽ chi tiết, gồm những nội dung nào?

- A. Hình biểu diễn, kích thước, bảng kê, yêu cầu kỹ thuật.
- B. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước.
- C. Hình biểu diễn, bảng kê, khung tên, yêu cầu kỹ thuật.
- D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật.

Câu 18. Để diễn tả rõ ràng cấu tạo bên trong của vật thể ta cần hình biểu diễn nào?

- A. Hình chiếu cạnh.
- B. Hình chiếu đứng.
- C. Hình cắt.
- D. Hình chiếu bằng.

Câu 19. Nội dung nào trong bản vẽ thể hiện tên gọi của chi tiết, vật liệu, tỉ lệ vẽ,... ?

- A. Khung tên
- B. Hình biểu diễn
- C. Kích thước
- D. Yêu cầu kỹ thuật

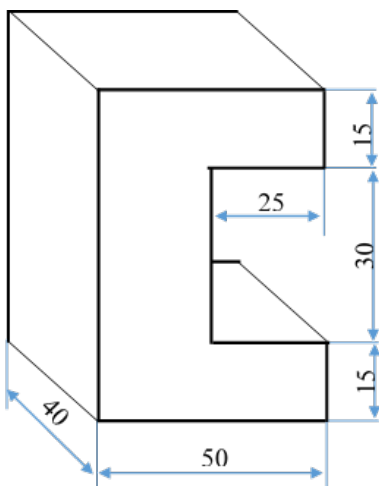
Câu 20. Trình tự đọc bản chi tiết là:

- A. Hình biểu diễn → khung tên → kích thước → phân tích chi tiết.
- B. Kích thước → hình biểu diễn → yêu cầu kỹ thuật → khung tên.
- C. Khung tên → hình biểu diễn → kích thước → yêu cầu kỹ thuật.
- D. Khung tên → kích thước → hình biểu diễn → yêu cầu kỹ thuật.

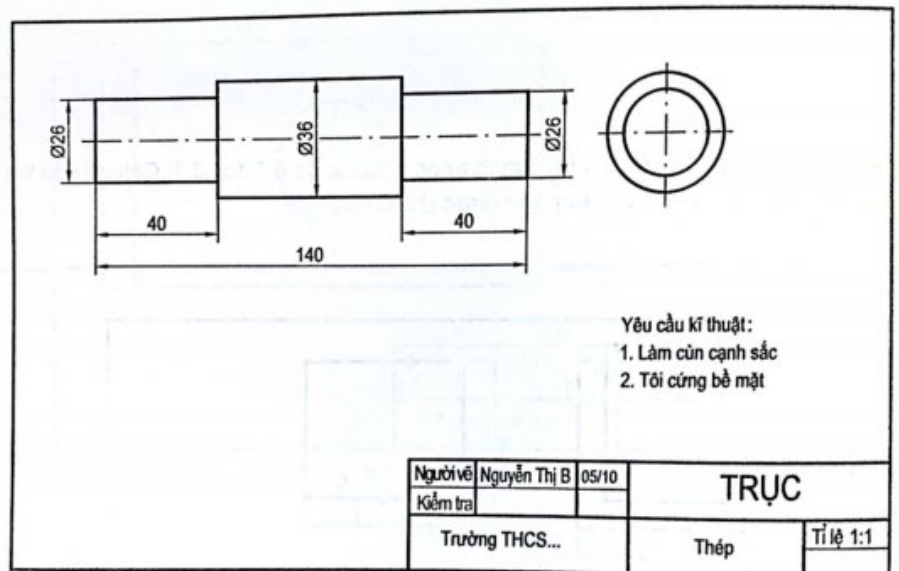
II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 đ). Bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?

Câu 2 (2 đ). Vẽ ba hình chiếu của vật thể hình a.



Hình a.



Hình b.

Câu 3 (1đ). Quan sát bản vẽ chi tiết ở hình b. Em hãy đọc nội dung phần “Kích thước”.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2024-2025
MÔN NGHỆ 8

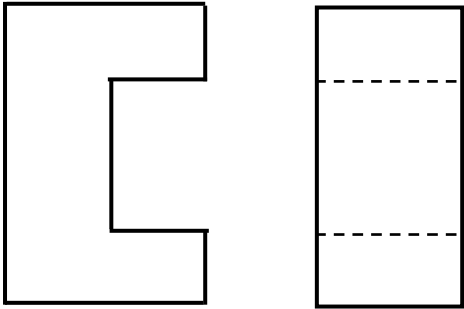
I. TRẮC NGHIỆM (5đ)

Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ/ án	D	A	B	B	A	C	B	D	A	D

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ/ án	A	C	C	B	A	D	D	C	A	C

II. TỰ LUẬN (5đ)

Câu	Đáp án	Điểm									
Câu 1	- Bản vẽ lắp gồm 4 nội dung + Hình biểu diễn + Kích thước + Bảng kê + Khung tên	0,5 0,5 0,5 0,5									
Câu 2	  - Hình chiếu đứng (<i>đúng vị trí, đúng hình dạng, đúng kích thước</i>) - Hình chiếu bằng (<i>đúng vị trí, đúng hình dạng, đúng kích thước</i>) - Hình chiếu cạnh (<i>đúng vị trí, đúng hình dạng, đúng kích thước</i>)	0,75 0,75 0,5									
Câu 3	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 20%;">Trình tự đọc</th><th style="width: 40%;">Nội dung</th><th style="width: 40%;">Kết quả đọc bản vẽ: “Chi tiết trục”</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Kích thước</td><td> - Kích thước chung - Kích thước các thành phần của chi tiết </td><td> -140, Ø36 -Đường kích đầu trục: Ø26 - Đường kích giữa trục: Ø36 - Chiều dài trục: 140 - Chiều dài đầu trục: 40 </td></tr> <tr> <td></td><td style="text-align: center;">0,25 đ</td><td style="text-align: center;">0,75 đ</td></tr> </tbody> </table>	Trình tự đọc	Nội dung	Kết quả đọc bản vẽ: “Chi tiết trục”	Kích thước	- Kích thước chung - Kích thước các thành phần của chi tiết	-140, Ø36 -Đường kích đầu trục: Ø26 - Đường kích giữa trục: Ø36 - Chiều dài trục: 140 - Chiều dài đầu trục: 40		0,25 đ	0,75 đ	
Trình tự đọc	Nội dung	Kết quả đọc bản vẽ: “Chi tiết trục”									
Kích thước	- Kích thước chung - Kích thước các thành phần của chi tiết	-140, Ø36 -Đường kích đầu trục: Ø26 - Đường kích giữa trục: Ø36 - Chiều dài trục: 140 - Chiều dài đầu trục: 40									
	0,25 đ	0,75 đ									

